

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Chấn

Ông Ninh Văn Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Khiết, Thẩm tra viên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2017/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 08 năm 2017, về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hoàng Thị B, sinh năm 1971

Trú tại: thôn ĐC, xã TL, huyện LNg, tỉnh BG

- Bị đơn: Lý Quán S, sinh năm 1971 (tên gọi khác Lý Cón S)

Trú tại: thôn ĐC, xã TL, huyện LNg, tỉnh BG

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 15/08/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị B, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Quán S chung sống với nhau ngày 18/01/1988 (âm lịch) nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi về chung sống với nhau chị và anh S có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi cưới xong chị về gia đình anh S làm dâu ngay.

Vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng được khoảng 01 năm thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh S có quan hệ không chung thủy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Anh S không quan tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay, giữa chị và anh S không còn quan hệ vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh S

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung cháu lớn là Lý Văn S, sinh ngày 16/03/1989 cháu S đã trưởng thành và đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân; cháu thứ hai là Lý Thị H, sinh ngày 14/12/1993 cháu H đã trưởng thành và đã có gia đình riêng; cháu thứ ba là Lý Thị Hi, sinh ngày 10/02/1995 cháu Hi đã trưởng thành đã có gia đình; cháu thứ tư là Lý Văn Th, sinh ngày 29/4/1997 cháu Th đã trưởng thành phát triển bình thường đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân. Do các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai nghị ngày 30/8/2017 bị đơn anh Lý Quán S, trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Hoàng Thị B chung sống với nhau ngày 18/01/1988 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi về chung sống với nhau anh và chị B có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi cưới xong chị B đã về gia đình nhà anh làm dâu ngay. Anh và chị B chung sống với nhau cùng với bố mẹ anh được khoảng 01 năm thì ra ở riêng vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày vợ chồng không có sự thông cảm và hiểu nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có sự hòa hợp, không có sự gần gũi, quan tâm chăm sóc nhau vợ chồng sống ly thân từ năm 2010. Chị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị B có 04 con chung là cháu lớn là Lý Văn S, sinh ngày 16/03/1989 cháu S đã trưởng thành và đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân; cháu thứ hai là Lý Thị H, sinh ngày 14/12/1993 cháu H đã

trưởng thành và đã có gia đình riêng; cháu thứ ba là Lý Thị Hi, sinh ngày 10/02/1995 cháu Hi đã trưởng thành đã có gia đình riêng; cháu thứ tư là Lý Văn Th, sinh ngày 29/4/1997 cháu Th đã trưởng thành phát triển bình thường đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân. Do các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Hoàng Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định của pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chồng chị và anh Lý Quán S. Anh Lý Quán S cũng đồng ý với yêu cầu của chồng chị Hoàng Thị B, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chồng chị B.

Đại Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật,

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chồng chị Hoàng Thị B và anh Lý Quán S. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chồng chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Lý Quán S chung sống với nhau ngày 18/01/1988 (âm lịch) nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trước khi về chung sống với nhau chị và anh S có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi cưới xong chị về gia đình anh S làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống với nhau cùng gia đình nhà chồng được khoảng 01 năm thì ra ở riêng, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh S có quan hệ không chung thủy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Anh S không quan

tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay qua hệ vợ chồng giữa chị B và anh S không còn vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống với nhau cho đến nay chị B và anh S vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã vi phạm Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên Hội đồng xét xử, xét thấy cần phải căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Lý Quán S.

Về con chồngung: chị B và anh S có 04 con chung là Lý Văn S, sinh ngày 16/03/1989 cháu S đã trưởng thành và đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân; cháu thứ hai là Lý Thị H, sinh ngày 14/12/1993 cháu H đã trưởng thành và đã có gia đình riêng; cháu thứ ba là Lý Thị Hi, sinh ngày 10/02/1995 chồngáu Hi đã trưởng thành đã có gia đình riêng; cháu thứ tư là Lý Văn Th, sinh ngày 29/4/1997 cháu Th đã trưởng thành phát triển bình thường đã đi làm có thu nhập tự nuôi sống được bản thân. Do các con đã trưởng thành cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Hoàng Thị B và anh Lý Quán S.

Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền chị B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0003022 ngày 30/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị B đã nộp đủ.

Chị Hoàng Thị B, anh Lý Quán S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chôngi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã TL, huyện LNg;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn An Ninh

